HĐTL VN30 - TẠO VÙNG CÂN BẰNG

MBSecurities

BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY

THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2204	21/4/2022	8	1519.70	38,438
VN30F2205	19/5/2022	36	1518.00	1,254
VN30F2209	15/9/2022	155	1515.10	716
VN30F2212	15/12/2022	246	1510.70	287

TỶ TRỌNG VỊ THẾ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN

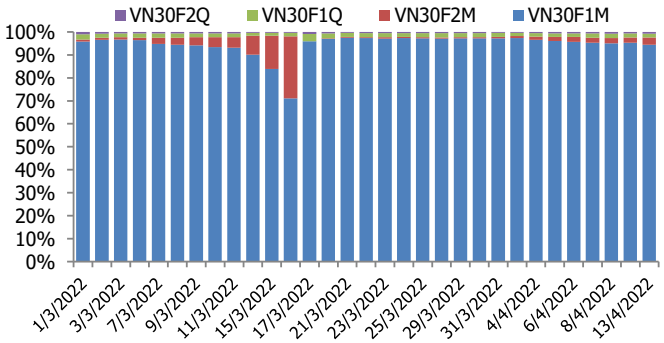

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Sau 3 phiên giảm mạnh, thị trường phái sinh có tín hiệu tạo vùng cân bằng, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức tăng từ +7,7 đến 10,3 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 18,19 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng yếu đi so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2204 giảm xuống -5,69 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2205 cũng giảm xuống -7,39 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm so với phiên liền trước, đạt 133.660 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 04 với 436 hợp đồng, luỹ kế mua ròng khoảng 5.543 hợp đồng.

- Thị trường trong nước hồi phục sau 3 phiên giảm liên tiếp, đáng chú ý là đà phục hồi của nhóm midcap và smallcap sau chuỗi giảm liền 5 phiên vừa qua. Độ rộng thị trường cho thấy nhà đầu tư dường như đã quên những gì đã diễn ra ở 3 phiên vừa qua. Điều còn thiếu trong phiên hôm nay là thanh khoản thị trường ở mức thấp, cũng là tín hiệu thường thấy ở các phiên hồi phục kỹ thuật do tâm lý nhà đầu tư thận trọng. Về kỹ thuật, sau 3 phiên giảm sâu, điều cần thấy là đà giảm chậm lại hoặc là nhịp này càng cao càng tốt. Do vậy, dù là nhịp hồi kỹ thuật hay mạch giảm đã kết thúc hay chưa vẫn cần quan sát thêm ở các phiên sắp tới.

- Dao động trong biên độ đang là lợi thế của hoạt động giao dịch ngắn hạn trên thị trường phái sinh. Khi mẫu hình vận động giá chưa tạo ra điểm tựa đảo chiều vững chắc thì nhà đầu tư tiếp tục lựa chọn phương pháp giao dịch trading tận dụng các nhịp rung lắc điều chỉnh. Vùng giá mở lệnh Mua cân nhắc là 1515-1518 điểm, ngưỡng quản trị rủi ro là 1508 điểm, và bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1525-1531 điểm. Đối với vị thế trung hạn, quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày	Nhà đầu tư nên quan sát mở lệnh mua khi giá điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1515-1518 điểm và quản trị rủi ro nếu giá thủng mốc 1508 điểm, giá mục tiêu là vùng kháng cự mạnh 1525-1531 điểm. Hoạt động Short được kích hoạt tại các ngưỡng kháng cự tiềm năng 1525;1531 và 1536 điểm.
Chiến lược giao dịch ngắn hạn	Quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.
Chiến lược giao dịch spread	Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

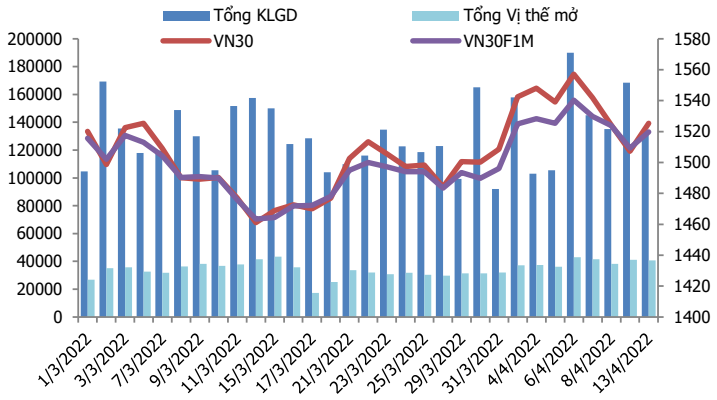

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2204	1519.7	0.68	132,886	-20.8	38,438	-1.9
VN30F2205	1518.0	0.64	632	42.3	1,254	35.3
VN30F2209	1515.1	0.60	109	-49.3	716	-0.4
VN30F2212	1510.7	0.51	33	-46.8	287	0.7
Tổng			133,660	-20.7	40,695	-1.0

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M

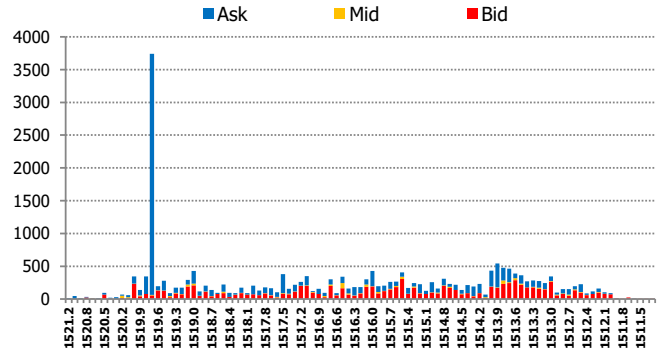

NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Sau 3 phiên giảm mạnh, thị trường phái sinh có tín hiệu tạo vùng cân bằng, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức tăng từ +7,7 đến 10,3 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 18,19 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 20,66% so với phiên liền trước, đạt 133.660 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 04 với 132.886 hợp đồng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng HĐTL tháng 04 với 436 hợp đồng, luỹ kế mua ròng khoảng 5.543 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2204 là 1.525,82 điểm (cao hơn 6,12 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2205 là 1.527,33 điểm (+9,33 điểm), VN30F2206 là 1.533,78 điểm (+18,68 điểm) và VN30F2209 là 1.538,73 điểm (+28,03 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

Khung thời gian	15m	1h	Daily
Tổng kết	BUY	NEUTRAL	SELL
Hỗ trợ	1515-1518	1503-1508	1487-1490
Kháng cự	1522-1525	1532-1536	1540-1550

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M

Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
VN30F2M - VN30F1M	-1.7	-1.10	-0.6	-0.9
VN30F1Q - VN30F1M	-4.6	-3.30	-1.3	-4.48
VN30F1Q - VN30F2M	-2.9	-2.20	-0.7	-3.58
VN30F2Q - VN30F1M	-9	-6.40	-2.6	-8.36
VN30F2Q - VN30F2M	-7.3	-5.30	-2	-7.46
VN30F2Q - VN30F1Q	-4.4	-3.10	-1.3	-3.88

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN

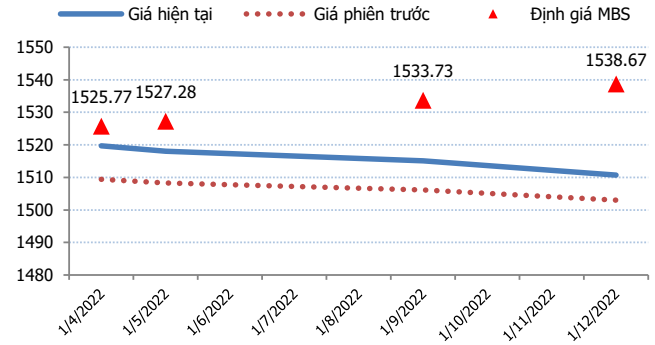

DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M

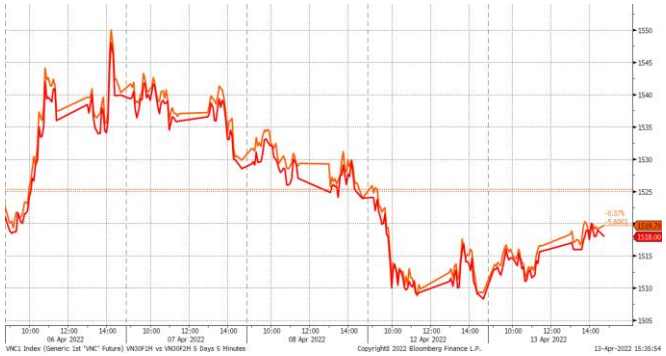

NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

- Sau 3 phiên giảm mạnh, thị trường phái sinh có tín hiệu tạo vùng cân bằng, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức tăng từ +7,7 đến 10,3 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 18,19 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng yếu đi so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2204 giảm xuống -5,69 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2205 cũng giảm xuống -7,39 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.

- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -9 điểm đến -1,7 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2204-VN30F2203) giảm đi 0,6 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

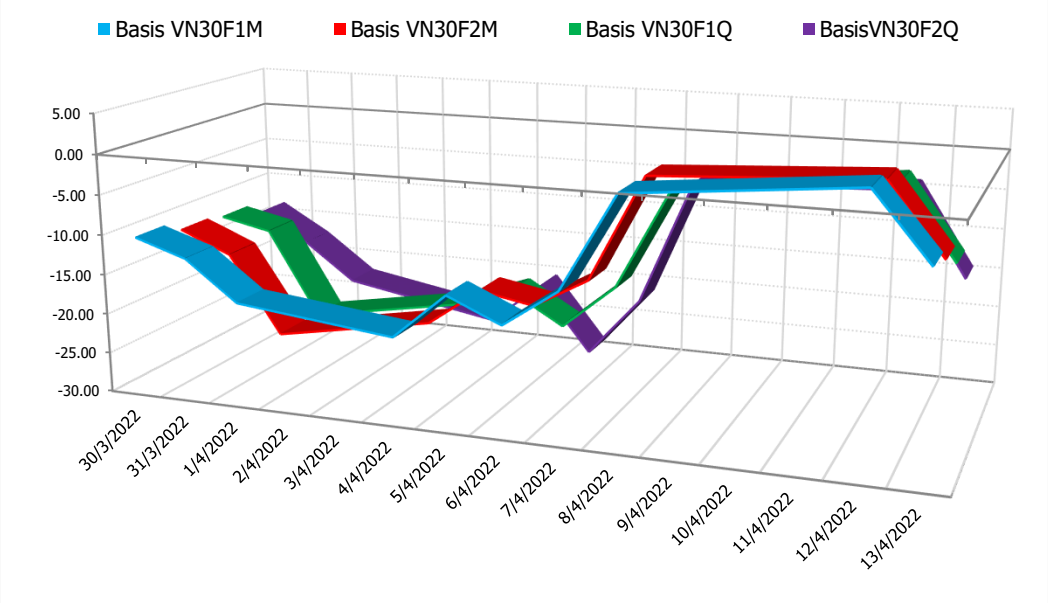

	VNIndex	VN30
Đóng cửa	1477.2	1525.39
Thay đổi	21.95	18.19
%Chg	1.51	1.21
YTD	-1.41	-0.67
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	5,852.45	3,945.56
P/E	17.13	14.25
P/B	2.59	2.72

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30

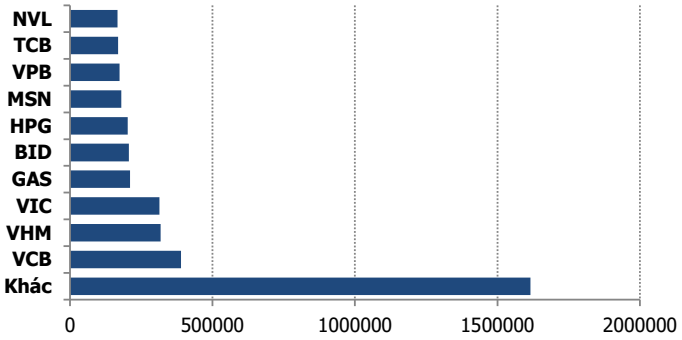

CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX

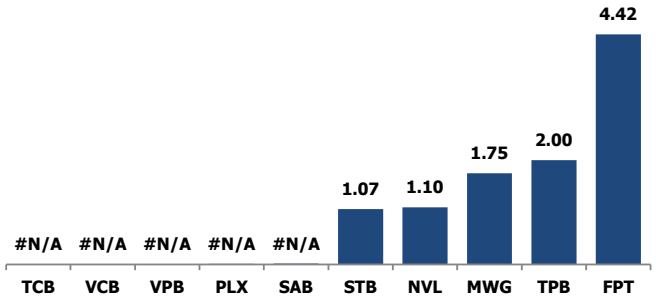

NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nhân tố giúp các chỉ số chính hồi phục trở lại. Số mã tăng điểm (27) áp đảo hoàn toàn so với số mã giảm điểm (0) và 3 mã đứng tham chiếu. FPT và TPB trở thành hai trụ đóng góp tích cực nhất tới đà tăng của VN30-Index với mức đóng góp lần lượt là +4,42 điểm và +2 điểm; ngoài ra MWG, NVL hay STB cũng là những bluechips tăng điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa trên mốc tham chiếu.

  Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 18,19 điểm (+1,21%) lên 1.525,39 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 160,14 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 8.929 tỷ đồng.

  Khối ngoại quay trở lại mua ròng mạnh với 1.491,76 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như MWG (+1.434 tỷ đồng), GEX (+85 tỷ đồng), VIC (+64 tỷ đồng), GMD (+47 tỷ đồng), NVL (+38 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30

Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
VNIndex	1,477.20	1.51	17.13	(1.41)
Dow Jones	34,564.59	1.01	18.24	(4.88)
S&P500	4,446.59	1.12	22.75	(6.71)
Nikkei 225	27,135.57	1.09	15.35	(5.75)
Shanghai	3,186.82	(0.82)	13.53	(12.44)
DAX	14,076.44	(0.34)	14.40	(11.38)
Vàng	1,975.89	(0.10)		8.02
Dầu WTI	103.47	(0.75)		37.57

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
Thứ Hai - 11/04/2022			
Anh - Tổng GDP (năm/năm)	10.5%	9.5%	9.5%
Anh - Tổng GDP (tháng/tháng)	0.8%	0.3%	0.1%
Anh - Sản lượng sản xuất (tháng/tháng) (Tháng 2)	0.9%	0.3%	-0.4%
Anh - Thay đổi GDP hàng tháng (3 tháng/3 tháng)	1.3%		1.0%
Thứ Ba - 12/04/2022			
Anh - Chỉ số thu nhập trung bình + tiền thưởng (Tháng 2)	4.8%	5.4%	5.4%
Anh - Thay đổi trợ cấp thất nghiệp (Tháng 3)	-58.0K	-41.1K	-46.9K
Đức - Chỉ số cảm tính kinh tế của ZEW (Tháng 4)	-39.3	-48.0	-41.0
Mỹ - CPI lõi (tháng/tháng) (Tháng 3)	0.5%	0.5%	0.3%
Thứ Tư - 13/04/2022			
New Zealand - Quyết định lãi suất	1.00%	1.25%	1.50%
Anh - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 3)	6.2%	6.7%	7.0%
Mỹ - Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng/tháng) (Tháng 3)	0.9%	1.1%	1.4%
Canada - Quyết định lãi suất	0.50%	1.00%	1.00%
Mỹ - Dự trữ dầu thô	2.421M	0.863M	9.382M
Thứ Năm - 14/04/2022			
Úc - Thay đổi việc làm (Tháng 3)	77.4K	40.0K	
Châu Âu - Tỷ lệ phương tiện tiền gửi (Tháng 4)	-0.50%	-0.50%	
Châu Âu - Công cụ cho vay thanh khoản của NHTW	0.25%		
Châu Âu - Quyết định lãi suất (Tháng 4)	0.00%	0.00%	
Mỹ - Doanh số bán lẻ lõi (tháng/tháng) (Tháng 3)	0.2%	1.0%	
Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	166K	171K	
Mỹ - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 3)	0.3%	0.6%	
Thứ Sáu - 15/04/2022			

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ tiếp tục giảm sau khi đà phục hồi vào đầu phiên nhường chỗ cho động thái bán tháo khi nhà đầu tư cân nhắc dữ liệu lạm phát mới nhất của Mỹ. Báo cáo cho thấy lạm phát tiếp tục tăng mạnh trong tháng trước. Đóng cửa, chỉ số S&P 500 lùi 0,34% xuống 4.397,45 điểm, và chỉ số Nasdaq Composite mất 0,3% còn 13.371,57 điểm, khi cả 2 chỉ số đều giảm phiên thứ 3 liên tiếp. Chỉ số Dow Jones giảm 87,72 điểm (-0,26%) xuống 34.220,36 điểm. Số liệu lạm phát cao đã làm tăng kỳ vọng Fed thắt chặt chính sách tiền tệ, điều mà nhà đầu tư lo ngại có thể làm giảm tốc tăng trưởng kinh tế.
- Giá dầu khởi sắc khi Thượng Hải nới lỏng một số hạn chế vì Covid đã làm giảm bớt lo ngại về nhu cầu dầu tại Trung Quốc, và khi Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) cảnh báo sẽ không thể thay thế nguồn cung bị mất từ Nga. Kết phiên, hợp đồng dầu Brent tiến 6,26% lên 104,64 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cộng 6,69% lên 100,60 USD/thùng. Cả 2 hợp đồng đều giảm 4% vào ngày 11/4.

- Giá vàng tăng hơn 1%, do lợi tức trái phiếu giảm sau số liệu lạm phát của Mỹ, làm giảm khả năng thắt chặt chính sách tích cực trong dài hạn của Cục Dự trữ Liên bang. Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0,7% lên 1.967,61 USD/ounce, sau khi đạt mức cao nhất gần 1 tháng trong đầu phiên giao dịch và vàng kỳ hạn tháng 6/2022 trên sàn New York tăng 1,4% lên 1.976,1 USD/ounce.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 FPT, TPB và MWG là những nhân tố chính đưa chỉ số VN30 quay trở lại đà tăng điểm. Trong đó, FPT đóng góp +4,42 điểm cho chỉ số VN30.

DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
VPB	Banks	8.61	39,000	0.00	3.82%	981.385	0.00	14.73	2.21
HPG	Metals & Mining	7.89	45,200	0.22	1.68%	573.508	0.27	6.31	2.23
TCB	Banks	7.77	48,000	0.00	1.15%	323.271	0.00	9.32	1.83
FPT	Electronic Equipment, Instruments & Components	6.30	115,100	4.83	4.83%	374.683	4.42	24.02	5.82
VIC	Real Estate Management & Development	6.08	82,200	1.11	1.98%	256.499	1.01	#N/A N/A	3.05
ACB	Banks	5.48	33,650	0.60	1.65%	170.189	0.50	9.47	2.02
VHM	Real Estate Management & Development	5.29	73,100	0.14	1.66%	278.541	0.11	8.12	2.55
MWG	Specialty Retail	5.13	156,200	2.29	4.32%	520.444	1.75	22.52	5.47
MSN	Food Products	5.10	126,900	1.20	2.78%	126.663	0.92	20.98	5.48
MBB	Banks	4.80	32,600	1.09	1.86%	440.329	0.79	9.70	2.07
VNM	Food Products	4.58	77,200	0.52	2.35%	164.248	0.36	17.09	4.88
NVL	Real Estate Management & Development	4.15	86,500	1.76	4.03%	507.745	1.10	45.27	4.77
STB	Banks	3.98	31,350	1.79	2.61%	215.005	1.07	16.84	1.73
VCB	Banks	3.04	82,400	0.00	1.34%	70.269	0.00	17.79	3.58
HDB	Banks	2.77	28,000	0.72	2.73%	94.034	0.30	9.21	1.92
TPB	Banks	2.69	40,000	5.12	5.65%	232.239	2.00	12.11	2.43
VJC	Airlines	2.65	138,100	0.07	0.80%	106.723	0.03	60.82	4.42
SSI	Capital Markets	2.10	42,550	1.79	4.52%	351.942	0.56	19.59	3.09
CTG	Banks	1.61	31,500	1.61	1.44%	131.758	0.39	#N/A N/A	#N/A N/A
VRE	Real Estate Management & Development	1.60	31,850	2.41	2.24%	85.646	0.58	55.06	2.36
PNJ	Textiles, Apparel & Luxury Goods	1.59	116,000	3.20	3.93%	114.548	0.75	25.63	4.39
KDH	Real Estate Management & Development	1.50	50,600	1.00	1.80%	45.648	0.23	28.41	3.19
PDR	Capital Markets	1.27	91,000	1.11	1.34%	273.567	0.21	24.40	6.36
SAB	Food Products	0.82	163,500	0.12	1.73%	21.717	0.02	28.60	4.94
GAS	Gas Utilities	0.75	110,100	1.10	2.41%	55.923	0.12	25.13	4.12
POW	Independent Power and Renewable Electricity Produce	0.65	15,700	0.64	3.27%	183.891	0.06	20.45	1.28
BID	Banks	0.59	40,900	1.11	3.24%	81.283	0.10	19.63	2.49
PLX	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.49	54,700	0.18	2.04%	69.52	0.01	23.33	2.77
GVR	Real Estate Management & Development	0.39	34,500	4.55	5.46%	76.293	0.26	33.19	2.88
BVH	Beverages	0.33	63,300	5.50	6.89%	103.923	0.27	24.78	2.22

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30		Đặc điểm sản phẩm
1	**Mã hợp đồng**		VN30F-yy-mm
2	**Tài sản cơ sở**		Chỉ số cổ phiếu VN30
3	**Hệ số nhân hợp đồng**		100.000 đồng
4	**Quy mô 01 hợp đồng**		100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	**Tháng đáo hạn**		-Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	**Phương thức giao dịch**		- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	**Thời gian giao dịch**	**GD Khớp lệnh định kỳ**	- ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45
		GD khớp lệnh liên tục	- Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30
		GD Thỏa thuận	- 08h45 - 14h45
8	**Các loại lệnh giao dịch**		LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
9	**Nguyên tắc khớp lệnh**		Ưu tiên giá và thời gian.
10	**Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh**		01 hợp đồng
11	**Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh**		500 hợp đồng
12	**Đơn vị yết giá/ Bước giá**		0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	**Biên độ dao động**		+/- 7%
14	**Ngày giao dịch cuối cùng**		Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	**Ngày thanh toán cuối cùng**		Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	**Phương thức thanh tóan**		Thanh tóan bằng tiền
17	**Giá thanh toán hàng ngày**		Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	**Giá thanh tóan cuối cùng**		Giá đóng của của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	**Giá tham chiếu**		Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	**Mở tài khoản**		Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	**Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK**		NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	**Mức ký quỹ ban đầu**		Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	**Mức ký quỹ duy trì**		Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	**Ký quỹ bổ sung**		Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	**Thoát khỏi hợp đồng tham gia**		Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Webiste: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Đinh Việt Long	Chuyên viên nghiên cứu	long.dinhviet@mbs.com.vn